

Số: 26/2023/QĐCNTTLH

Lạng Giang, ngày 14 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;
Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của
chị Bùi Thị N và anh Lý Văn Quý;

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 3 năm 2023 về việc yêu cầu ly hôn của
chị Bùi Thị N.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 29 tháng 3 năm 2023 về thuận
tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

+ **Chị Bùi Thị N**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: TDP Tân Luận, thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

+ **Anh Lý Văn Quý**, sinh năm 1987.

Nơi công tác: Đại đội 25, Trung đoàn 2, Sư đoàn 3, Quân khu 1, Bộ Quốc phòng.

Địa chỉ: Thôn Việt Hương, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Các tài liệu kèm theo biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên
chuyển sang Tòa án và tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2
Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được
ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 29 tháng 3 năm 2023 có đủ các
điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa
giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 29 tháng 3 năm 2023,
cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bùi Thị N và anh Lý Văn Quý thống nhất thuận
tình ly hôn.

- *Về con chung*: Chị Bùi Thị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lý Bùi Minh Trí, sinh ngày 22/10/2017. Anh Lý Văn Quý có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi cháu Lý Bùi Minh Trí mỗi tháng 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*), kể từ tháng 5 năm 2023 đến khi cháu Trí đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh Lý Văn Quý có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ khi ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- *Về tài sản chung, nợ chung, ruộng đất canh tác*: Chị Bùi Thị N và anh Lý Văn Quý xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- Chi cục THADS h. Lạng Giang;
- UBND xã Tân Hoa, Lục Ngạn;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Trần Thị Hằng